BỘ NỘI VỤ

BỘ NỘI VỤ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2015/TT-BNV	*Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2015*

THÔNG TƯ
Quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 7193/BNN-TCCB ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức - viên chức;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với công chức thực hiện nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 3. Chức danh, mã số ngạch công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, gồm:

1. Kiểm dịch động vật:

a) Kiểm dịch viên chính động vật — Mã số ngạch: 09.315

b) Kiểm dịch viên động vật — Mã số ngạch: 09.316

c) Kỹ thuật viên kiểm dịch động vật — Mã số ngạch: 09.317

2. Kiểm dịch thực vật:

a) Kiểm dịch viên chính thực vật — Mã số ngạch: 09.318

b) Kiểm dịch viên thực vật — Mã số ngạch: 09.319

c) Kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật — Mã số ngạch: 09.320

3. Kiểm soát đê điều:

a) Kiểm soát viên chính đê điều — Mã số ngạch: 11.081

b) Kiểm soát viên đê điều — Mã số ngạch: 11.082

c) Kiểm soát viên trung cấp đê điều — Mã số ngạch: 11.083

4. Kiểm lâm:

b) Kiểm lâm viên chính — Mã số ngạch: 10.225

c) Kiểm lâm viên — Mã số ngạch: 10.226

d) Kiểm lâm viên trung cấp — Mã số ngạch: 10.228

5. Kiểm ngư:

a) Kiểm ngư viên chính — Mã số ngạch: 25.309

b) Kiểm ngư viên — Mã số ngạch: 25.310

c) Kiểm ngư viên trung cấp — Mã số ngạch: 25.311

6. Thuyền viên kiểm ngư:

a) Thuyền viên kiểm ngư chính — Mã số ngạch: 25.312

b) Thuyền viên kiểm ngư — Mã số ngạch: 25.313

c) Thuyền viên kiểm ngư trung cấp — Mã số ngạch: 25.314

Chương II
TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Điều 4. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

1. Bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách, luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

2. Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.

3. Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.

4. Chấp hành nội quy của cơ quan, chấp hành sự phân công của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật, gương mẫu, đi đầu trong công tác; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

7. Trung thực, khách quan, công tâm, công bằng, dân chủ; có thái độ tôn trọng khi tiếp xúc với nhân dân.

Điều 5. Ngạch kiểm dịch viên chính động vật (mã số: 09.315)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ giúp lãnh đạo chủ trì tổ chức và thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trước khi xuất khẩu, nhập khẩu, tạm xuất, tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh Việt Nam và tiêu thụ nội địa, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì tổ chức và thực hiện các quy trình về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật;

b) Tổ chức xây dựng các quy trình kỹ thuật nhằm đảm bảo độ chính xác nhanh cho từng đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật;

c) Chủ trì tổ chức sự phối hợp giữa các ngành có liên quan và các cơ quan thú y để tổng kết rút kinh nghiệm cho công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật;

d) Tổng kết, phân tích, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm công đoạn trong kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật; kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện quy trình, tiêu chuẩn về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật;

đ) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đề xuất các biện pháp kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, kiểm soát giết mổ;

e) Tham gia hướng dẫn kỹ thuật, tập huấn kỹ thuật cho công chức ngạch dưới;

g) Tổ chức chỉ đạo, xây dựng nề nếp quản lý kỹ thuật thống nhất trong công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật;

h) Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành về công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững pháp luật về thú y và chủ trương, chính sách của Nhà nước có liên quan đến công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật;

b) Tinh thông các kỹ thuật trong công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật;

c) Nắm vững các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật để đánh giá các kết quả xét nghiệm, thử nghiệm phục vụ công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y;

d) Am hiểu về kỹ thuật trong công tác thú y, pháp luật thú y của các nước có hợp tác quốc tế với Việt Nam;

đ) Nắm bắt được những thông tin mới trong lĩnh vực kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật trong nước và trên thế giới;

e) Có trình độ tổng hợp nhanh. Thông thạo việc tổ chức và triển khai công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật; có khả năng thu hút cộng tác viên;

g) Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án được Hội đồng khoa học cấp Bộ hoặc cấp Tỉnh công nhận và đưa vào sử dụng có hiệu quả;

h) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ về kiểm dịch động vật hoặc trong hoạt động lãnh đạo quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm dịch viên chính động vật phải có thời gian giữ ngạch kiểm dịch viên động vật hoặc ngạch tương đương từ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm dịch viên động vật tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thú y hoặc bệnh học thủy sản hoặc chăn nuôi hoặc thú y hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm dịch viên chính động vật;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT - BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 6. Ngạch kiểm dịch viên động vật (mã số: 09.316)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ giúp lãnh đạo thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ trước khi xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh Việt Nam và tiêu thụ nội địa, quản lý vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

2. Nhiệm vụ

a) Phân tích, đánh giá các kết quả xét nghiệm, thử nghiệm nhằm phục vụ công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y;

b) Thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định;

c) Kiểm tra việc tổ chức thực hiện các khâu kỹ thuật của kỹ thuật viên kiểm dịch động vật và chịu trách nhiệm về những kết quả kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

d) Thực hiện việc kiểm soát giết mổ động vật theo quy trình và giám sát vệ sinh thú y ở các cơ sở giết mổ, sơ chế, bảo quản động vật, sản phẩm động vật;

đ) Phối hợp với các cơ quan chức năng, đơn vị có liên quan để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật và kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc từ động vật theo luật định;

e) Tuyên truyền và hướng dẫn thi hành pháp luật thú y của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho chủ hàng;

g) Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học về công tác kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật;

h) Lấy mẫu động vật, sản phẩm động vật phục vụ công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật;

i) Phân tích, đánh giá các kết quả xét nghiệm, thử nghiệm nhằm phục vụ công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được kiến thức cơ bản về khoa học thú y;

b) Nắm được pháp luật về thú y hiện hành;

c) Nắm được luật về thú y của một số nước trong khu vực;

d) Hiểu biết về tâm lý xã hội, luật pháp của Nhà nước để giải quyết công việc chuyên môn được giao một cách chính xác nhanh gọn;

đ) Biết tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và có khả năng tập hợp tổ chức phối hợp các ngành liên quan để triển khai công việc đạt hiệu quả;

e) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm dịch viên động vật phải có thời gian giữ ngạch kỹ thuật viên kiểm dịch động vật hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thú y hoặc bệnh học thủy sản, chăn nuôi thú y hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm dịch viên động vật;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 7. Ngạch kỹ thuật viên kiểm dịch động vật (mã số: 09.317)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ trực tiếp thực hiện nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật theo quy định đã ban hành.

2. Nhiệm vụ

a) Hỗ trợ Kiểm dịch viên động vật kiểm tra, đánh giá hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật;

b) Kiểm tra, theo dõi tình trạng lâm sàng đối với động vật, thực trạng hàng hóa, cảm quan đối với sản phẩm động vật;

c) Thực hiện phòng, điều trị bệnh động vật trong thời gian cách ly kiểm dịch hoặc cách ly động vật mắc bệnh tại các cơ sở giết mổ động vật;

d) Lấy mẫu động vật, sản phẩm động vật phục vụ công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật;

đ) Giám sát việc thực hiện các biện pháp vệ sinh thú y trong thời gian cách ly kiểm dịch; trong quá trình giết mổ động vật hoặc sơ chế, chế biến sản phẩm động vật;

e) Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện việc pha chế các dung dịch thuốc khử trùng, tiêu độc và phun thuốc khử trùng, tiêu độc theo chỉ định.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được nội dung cơ bản của Pháp luật về thú y hiện hành trong lĩnh vực đảm nhiệm;

b) Nắm được các quy trình kỹ thuật để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Nhận biết được các bệnh thông thường, các biểu hiện khác thường đối với sản phẩm động vật;

d) Hiểu rõ tính chất, tác dụng của từng loại thuốc phòng, điều trị bệnh, thuốc khử trùng, tiêu độc;

đ) Biết giám sát cách ly kiểm dịch, ghi chép kết quả, nhật ký thí nghiệm;

e) Có khả năng điều trị được các bệnh thông thường của động vật.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thú y hoặc bệnh học thủy sản, chăn nuôi thú y hoặc chuyên ngành đào tạo khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT - BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương III
TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 8. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

1. Bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách, luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

2. Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.

3. Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.

4. Chấp hành nội quy của cơ quan, chấp hành sự phân công của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật, gương mẫu, đi đầu trong công tác; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

7. Trung thực, khách quan, công tâm, công bằng, dân chủ; có thái độ tôn trọng khi tiếp xúc với nhân dân.

Điều 9. Ngạch kiểm dịch viên chính thực vật (mã số: 09.318)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ giúp lãnh đạo chủ trì tổ chức và thực hiện công tác kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu, quá cảnh và nội địa tại các tổ chức Nhà nước cấp tỉnh, vùng và Trung ương có nhiệm vụ kiểm dịch thực vật.

2. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức thực hiện kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu, quá cảnh và nội địa của đơn vị, thuộc lĩnh vực được giao;

b) Phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật và đối tượng kiểm soát, xác minh các trường hợp nghi ngờ về các dịch hại thuộc diện điều chỉnh mới phát hiện;

c) Điều tra, thu thập số liệu, thông tin; tổng hợp và phân tích các số liệu, thông tin đó, đánh giá tình hình, đúc rút kinh nghiệm về kiểm dịch thực vật trong địa bàn hoặc lĩnh vực được giao, trên cơ sở đó đề xuất chủ trương biện pháp bổ sung, sửa đổi các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm nghiệp vụ kiểm dịch thực vật;

d) Cụ thể hoá các quy định chung về kỹ thuật, nghiệp vụ kiểm dịch thực vật cho phù hợp với điều kiện của địa bàn;

đ) Tham gia xây dựng, bổ sung, sửa đổi các quy định của pháp luật về kiểm dịch thực vật. Chủ trì tổ chức thực hiện việc phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật về kiểm dịch thực vật, việc phát hiện ngăn ngừa và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cấp trên xử lý những hành vi vi phạm quy định đó;

e) Tham gia xây dựng các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về kiểm dịch thực vật và ứng dụng tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế trong lĩnh vực được phân công;

g) Chủ trì hoặc tham gia kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý hoạt động xông hơi khử trùng, chiếu xạ và các biện pháp xử lý khác trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

h) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về kiểm dịch thực vật cấp ngành và tham gia thực hiện đề tài cấp Nhà nước trong lĩnh vực được giao;

i) Tham gia thanh tra về chuyên môn nghiệp vụ kiểm dịch thực vật thuộc lĩnh vực được giao khi có yêu cầu;

k) Tham gia xây dựng mục tiêu, chương trình, nội dung, biên soạn tài liệu và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm dịch thực vật cho các ngạch công chức cấp dưới;

l) Tổng hợp tình hình, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ trong công tác kiểm dịch thực vật.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước có liên quan đến nhiệm vụ được giao, các chủ trương của ngành về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

b) Nắm vững những quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, pháp luật khác trong và ngoài nước có liên quan;

c) Nắm được đặc điểm sinh học của các dịch hại thuộc diện điều chỉnh;

d) Nắm được tình hình mối quan hệ giữa công tác kiểm dịch thực vật với công tác bảo vệ thực vật, công tác xuất, nhập khẩu, quá cảnh và giao thông, vận tải, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước có liên quan đến công tác kiểm dịch thực vật;

đ) Nắm vững các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm kiểm dịch thực vật và các thông tin khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ trong và ngoài nước có liên quan;

e) Nắm vững các thủ tục, nguyên tắc hành chính Nhà nước có liên quan đến hoạt động kiểm dịch thực vật được giao;

g) Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án được Hội đồng khoa học cấp Bộ hoặc cấp Tỉnh công nhận và đưa vào sử dụng có hiệu quả;

h) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ về kiểm dịch thực vật hoặc trong hoạt động lãnh đạo quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm dịch viên chính thực vật phải có thời gian giữ ngạch kiểm dịch viên thực vật hoặc ngạch tương đương từ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm dịch viên thực vật tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: bảo vệ thực vật hoặc nông học hoặc trồng trọt hoặc cây trồng hoặc sinh học hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm dịch viên chính thực vật;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT - BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 10. Ngạch kiểm dịch viên thực vật (mã số: 09.319)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ giúp lãnh đạo tổ chức và thực hiện công tác kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu, quá cảnh và nội địa tại các tổ chức Nhà nước cấp tỉnh, vùng và Trung ương có nhiệm vụ kiểm dịch thực vật.

2. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch, đề xuất phương án, thực hiện và tổ chức thực hiện công tác kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu, quá cảnh, nội địa của đơn vị thuộc lĩnh vực được giao;

b) Phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh và xác minh các trường hợp nghi ngờ nhiễm dịch hại kiểm dịch thực vật thường gặp;

c) Thực hiện nhiều khâu hoặc toàn bộ qui trình kiểm tra vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật hoặc xuất, nhập khẩu và quá cảnh;

d) Quyết định, giám sát, xác nhận việc thực hiện các biện pháp xử lý đối với vật thể nhiễm dịch (theo phân cấp) và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình;

đ) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về pháp luật kiểm dịch thực vật; phát hiện, ngăn ngừa và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý những hành vi vi phạm quy định của pháp luật đó;

e) Chủ trì đề tài, khảo sát thực nghiệm của đơn vị và tham gia thực hiện đề tài cấp ngành về kiểm dịch thực vật. Đề xuất các nội dung bổ sung, sửa đổi những quy định trong lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật kiểm dịch thực vật được giao;

g) Tham gia kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý hoạt động khử trùng xông hơi và các biện pháp xử lý khác trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

h) Hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật cho ngạch công chức cấp dưới.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước có liên quan đến nhiệm vụ được giao và chủ trương của ngành về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

b) Nắm được những quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và những quy định pháp luật khác có liên quan. Nắm được thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế về kiểm dịch thực vật trong lĩnh vực được phân công;

c) Nắm được các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm kiểm dịch thực vật và các thông tin khoa học kỹ thuật có liên quan;

d) Nắm được các thủ tục, nguyên tắc hành chính Nhà nước có liên quan đến hoạt động kiểm dịch thực vật được giao;

đ) Nắm được tình hình kinh tế, xã hội, chính trị có liên quan đến hoạt động kiểm dịch thực vật được giao;

e) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm dịch viên thực vật phải có thời gian giữ ngạch kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: bảo vệ thực vật hoặc nông học hoặc trồng trọt hoặc cây trồng hoặc sinh học hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm dịch viên thực vật;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 11. Ngạch Kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật (mã số: 09.320)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện công tác kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu, quá cảnh và nội địa được phân công, theo quy trình, quy phạm tại các tổ chức Nhà nước có nhiệm vụ kiểm dịch thực vật từ cấp Trạm trở lên.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện một hoặc nhiều khâu của quy trình điều tra, kiểm tra để phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh;

b) Thực hiện việc lấy mẫu vật thể, lập các loại mẫu thu thập sinh vật gây hại, làm tiêu bản để lưu giữ, chuyển gửi và phân tích giám định các mẫu và tiêu bản đó;

c) Thực hiện một hoặc nhiều khâu của quy trình phân tích giám định hoặc thí nghiệm trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật;

d) Thực hiện việc chuẩn bị dụng cụ, hoá chất để điều tra, kiểm tra, phân tích, giám định hoặc thí nghiệm trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật;

đ) Ghi chép và xử lý ban đầu các số liệu điều tra, kiểm tra, phân tích, giám định hoặc thí nghiệm. Lập hồ sơ kiểm dịch thực vật;

e) Sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng các dụng cụ kỹ thuật kiểm dịch thực vật và chịu trách nhiệm cá nhân về các dụng cụ đó;

g) Hướng dẫn công nhân thực hiện những thao tác kỹ thuật đơn giản.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương của ngành về kiểm dịch thực vật và những quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật có liên quan đến nhiệm vụ được giao;

b) Nắm được thủ tục nghiệp vụ và thao tác kỹ thuật điều tra, kiểm tra, phân tích giám định, thí nghiệm được giao;

c) Nắm được đặc điểm hình thái của sinh vật gây hại và dấu hiệu gây hại, lây nhiễm của chúng liên quan đến việc phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh thường gặp;

d) Nắm được tính năng, tác dụng và cách sử dụng bảo quản hoá chất, dụng cụ dùng cho điều tra, kiểm tra, phân tích, giám định, thí nghiệm được giao thực hiện.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành: bảo vệ thực vật hoặc nông học hoặc trồng trọt hoặc cây trồng hoặc sinh học hoặc chuyên ngành khác theo yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT - BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương IV
TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC KIỂM SOÁT ĐÊ ĐIỀU

Điều 12. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

1. Bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách, luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

2. Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.

3. Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.

4. Chấp hành nội quy của cơ quan, chấp hành sự phân công của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật, gương mẫu, đi đầu trong công tác; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

7. Trung thực, khách quan, công tâm, công bằng, dân chủ; có thái độ tôn trọng khi tiếp xúc với nhân dân.

Điều 13. Ngạch kiểm soát viên chính đê điều (mã số: 11.081)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của ngành thủy lợi, giúp Giám đốc Sở kiểm soát, đôn đốc thực hiện các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong việc quản lý đê và hộ đê trong phạm vi địa bàn được phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Thẩm tra việc chỉnh biên tư liệu, các hồ sơ lý lịch đê, kè, cống và quá trình diễn biến của lòng dẫn hoặc bãi biển do Hạt Quản lý đê thực hiện;

b) Thẩm tra kết quả phân tích, đánh giá hiện trạng đê, kè, cống và những kiến nghị về biện pháp gia cố, tu bổ công trình. Đề xuất các giải pháp kỹ thuật

và các phương án thích hợp cho việc gia cố, tu bổ đê điều trong phạm vi Hạt quản lý;

c) Thẩm tra phương án bảo vệ các trọng điểm chống lụt, bão do các huyện lập. Chủ trì việc lập phương án bảo vệ các trọng điểm thuộc trách nhiệm của đơn vị mình phụ trách;

d) Chủ trì xác định nguyên nhân, đề xuất biện pháp và tham gia chỉ đạo kỹ thuật xử lý khi đê, kè, cống xảy ra sự cố phức tạp theo sự phân công của Hạt trưởng;

đ) Kiểm tra xác định mức độ ảnh hưởng đến an toàn của đê, kè, cống trong trường hợp xảy ra hành vi vi phạm nghiêm trọng Luật Đê điều. Xử lý các vi phạm pháp luật về đê điều;

e) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn tài liệu và trực tiếp huấn luyện kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý và hộ đê cho lực lượng chuyên trách quản lý đê;

g) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đê điều, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý bảo vệ đê điều.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững Luật Đê điều, Luật Phòng chống thiên tai và các văn bản pháp quy khác liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ đê điều;

b) Nắm vững các tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành, quy trình, quy phạm kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng, tu bổ, quản lý và hộ đê;

c) Nắm vững tính năng, tác dụng và nguyên tắc quản lý sử dụng vật tư dự trữ chống lụt bão. Biết cách sử dụng các loại vật liệu tại chỗ thay thế;

d) Hiểu rõ đặc điểm của lũ, bão ở Việt Nam và những chủ trương, biện pháp phòng, chống lụt, bão của Nhà nước cũng như của tỉnh;

đ) Nắm vững hiện trạng đê, kè, cống trong tỉnh. Hiểu rõ sự phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với hệ thống đê điều;

e) Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án được Hội đồng khoa học cấp Bộ hoặc cấp Tỉnh công nhận và đưa vào sử dụng có hiệu quả;

g) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ về kiểm soát đê điều hoặc trong hoạt động lãnh đạo quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm soát viên chính đê điều phải có thời gian giữ ngạch kiểm soát viên đê điều hoặc ngạch tương đương từ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm soát viên đê điều tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành thuỷ lợi trở lên hoặc các chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm soát viên chính đê điều;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT - BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 14. Ngạch kiểm soát viên đê điều (mã số: 11.082)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của ngành thủy lợi, giúp Lãnh đạo Hạt Quản lý đê chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm soát, đôn đốc việc chấp hành các nội dung quy định của Luật Đê điều, các chế độ, thể lệ khác có liên quan đến quản lý đê và hộ đê trong phạm vi địa bàn được phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Lập, chỉnh biên và thường xuyên bổ sung nhằm hoàn thiện hồ sơ lý lịch đê, kè, cống và quá trình diễn biến của lòng dẫn hoặc bãi biển thuộc phạm vi được giao;

b) Phát hiện kịp thời mọi diễn biến của đê, kè, cống, dòng chảy, bờ sông, bãi biển, xác định nguyên nhân, đề xuất phương án và trực tiếp tổ chức thực hiện việc xử lý các sự cố;

c) Kiểm tra phát hiện, ngăn chặn, lập biên bản và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm đến an toàn của đê, kè, cống;

d) Phân tích, đánh giá hiện trạng của đê, kè, cống phát hiện mức độ kém ổn định của công trình. Đề xuất biện pháp gia cố, tu bổ công trình, tham gia giám sát thi công và nghiệm thu các hạng mục công trình thuộc địa bàn được giao;

đ) Tham gia giám sát thi công và nghiệm thu các hạng mục xây dựng, gia cố, tu bổ đê, kè, cống thuộc địa bàn được giao theo sự phân công của cấp trên;

e) Tổ chức quản lý các loại vật tư dự trữ chống lụt, bão hiện có trên địa bàn được giao;

g) Trực tiếp huấn luyện kỹ thuật cho các lực lượng hộ đê và hướng dẫn xử lý các sự cố phức tạp theo sự phân công của Hạt;

h) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đê điều, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý bảo vệ đê điều.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững Luật Đê điều, Luật Phòng chống thiên tai và các văn bản pháp quy khác liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ đê điều;

b) Nắm vững các tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành, quy trình, quy phạm kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng, tu bổ, quản lý và hộ đê;

c) Nắm vững tính năng, tác dụng và nguyên tắc quản lý sử dụng vật tư dự trữ chống lụt bão;

d) Hiểu khái quát đặc điểm của lũ, bão ở Việt Nam và những biện pháp phòng, chống lụt, bão thích hợp với địa phương mình;

đ) Hiểu và nắm vững hiện trạng đê, kè, cống thuộc phạm vi quản lý của đơn vị và sự phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về đê điều;

e) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm soát viên đê điều phải có thời gian giữ ngạch kiểm soát viên trung cấp đê điều hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành thuỷ lợi trở lên hoặc các chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm soát viên đê điều;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 15. Ngạch kiểm soát viên trung cấp đê điều (mã số: 11.083)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của ngành thủy lợi, giúp Lãnh đạo Hạt Quản lý đê kiểm soát, đôn đốc việc chấp hành các nội dung quy định của Luật Đê điều, các chế độ, thể lệ khác có liên quan đến quản lý đê và hộ đê trong phạm vi địa bàn được phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Thu thập các tư liệu để bổ sung hồ sơ lý lịch đê, kè, cống và quá trình diễn biến của lòng dẫn hoặc bãi biển thuộc phạm vi được giao;

b) Phát hiện và báo cáo kịp thời với cấp trên mọi diễn biến của đê, kè, cống, dòng chảy, bờ sông, bãi biển. Trực tiếp hướng dẫn lực lượng hộ đê xử lý các sự cố thông thường của đê, kè, cống thuộc địa bàn được giao và tham gia hướng dẫn xử lý sự cố phức tạp theo sự phân công của cấp trên;

c) Kiểm tra, ngăn chặn, phát hiện, lập biên bản và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm đến an toàn của đê, kè, cống;

d) Tham gia giám sát thi công và nghiệm thu các hạng mục xây dựng, gia cố, tu bổ đê, kè, cống thuộc địa bàn được giao theo sự phân công của cấp trên;

đ) Quản lý các loại vật tư dự trữ chống lụt, bão hiện có trên địa bàn được giao;

e) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đê điều, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý bảo vệ đê điều.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hiểu và nắm được nội dung chủ yếu của Luật Đê điều, Luật Phòng chống thiên tai và các văn bản pháp quy khác liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ đê điều;

b) Hiểu và nắm được một số tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành, quy trình, quy phạm kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng, tu bổ, quản lý và xử lý các sự cố của đê, kè, cống;

c) Hiểu tính năng, tác dụng và nguyên tắc quản lý sử dụng vật tư dự trữ chống lụt bão;

d) Hiểu được khái quát đặc điểm của lũ, bão ở Việt Nam và những biện pháp thường áp dụng ở địa phương mình;

đ) Hiểu và nắm được hiện trạng đê, kè, cống thuộc phạm vi quản lý của đơn vị và sự phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về đê điều.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp thuỷ lợi hoặc các ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT - BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT - BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

CHƯƠNG V
TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC KIỂM LÂM

Điều 16. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

1. Đạt các yêu cầu về phẩm chất đối với người cán bộ, công chức được quy định tại Luật Cán bộ, công chức.

2. Có tinh thần dũng cảm, mưu trí đấu tranh chống lại hành vi phá hoại để quản lý và bảo vệ rừng.

3. Có trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.

4. Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.

5. Nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân để tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan để hoàn thành nhiệm vụ.

6. Có tinh thần chí công vô tư, trung thực; có thái độ niềm nở, lễ độ, khiêm tốn khi tiếp xúc với nhân dân.

Điều 17. Ngạch kiểm lâm viên chính (mã số: 10.225)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của ngành kiểm lâm, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm lâm ở Trung ương hoặc ở địa phương tổ chức thực hiện một hoặc

nhiều lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản trên phạm vi toàn quốc và cấp tỉnh.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức triển khai và thực hiện một hoặc nhiều lĩnh vực trong công tác nghiệp vụ chuyên môn về quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản;

b) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các phương án, chương trình, kế hoạch thuộc lĩnh vực công tác được phân công, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện;

c) Tham gia xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác được giao;

d) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và xử lý theo quy định của pháp luật đối với những vụ việc có quy mô lớn và có tính chất phức tạp;

đ) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức và hướng dẫn kiểm tra nghiệp vụ của ngành kiểm lâm và tham mưu đề xuất các biện pháp điều chỉnh, uốn nắn trong hệ thống ngành kiểm lâm nhằm đảm bảo tổ chức chặt chẽ, có hiệu lực và hiệu quả;

e) Thực hiện việc tham gia phối hợp nghiệp vụ với các cơ quan hữu quan (chấp hành pháp luật, nghiên cứu, quản lý...) khi triển khai thực hiện công tác và quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong phạm vi tỉnh, vùng, cả nước;

g) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức nghiên cứu, áp dụng, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

h) Biên soạn hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ của ngành kiểm lâm, tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức kiểm lâm;

i) Nghiên cứu và phân tích các hoạt động của ngành kiểm lâm trên toàn quốc và các tỉnh có diện tích rừng lớn, đề xuất các biện pháp tổ chức, chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu lực quản lý và hiệu quả công tác của ngành kiểm lâm.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Chủ trì hoặc phối hợp triển khai có hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản;

b) Tổ chức phối hợp hiệu quả với các cơ quan hữu quan khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản;

c) Thực hiện được việc hướng dẫn và kiểm tra công tác nghiệp vụ kiểm lâm cho các thành viên khác trong cơ quan;

d) Có năng lực tổng hợp, khái quát các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn của ngành kiểm lâm để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ rừng;

đ) Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học phục vụ công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

e) Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án được hội đồng khoa học cấp Bộ hoặc cấp tỉnh công nhận và đưa vào sử dụng có hiệu quả;

g) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ về kiểm lâm hoặc trong hoạt động lãnh đạo quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm lâm viên chính phải có thời gian giữ ngạch kiểm lâm viên hoặc ngạch tương đương từ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm lâm viên tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành lâm nghiệp hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm lâm viên chính;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 18. Ngạch kiểm lâm viên (mã số: 10.226)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của ngành kiểm lâm, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm lâm ở Trung ương hoặc địa phương thực hiện nhiệm vụ quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản tại địa bàn được phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản;

b) Theo dõi, báo cáo kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản trong phạm vi được phân công;

c) Xây dựng phương án, kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra, phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng, phát triển rừng và kinh doanh lâm sản;

d) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về lâm nghiệp cho cộng đồng dân cư trong địa bàn được phân công;

đ) Hướng dẫn xây dựng và giám sát việc thực hiện quy ước, hương ước bảo vệ và phát triển rừng trong địa bàn được phân công;

e) Tham gia cùng địa phương và các lực lượng bảo vệ pháp luật khác phòng, chống các biểu hiện chặt, phá rừng trong địa bàn được phân công;

g) Kiểm tra, phát hiện và xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản theo đúng nhiệm vụ được phân công, đúng thẩm quyền.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có khả năng độc lập chủ động làm việc;

b) Thực hiện được công tác tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra trong công tác quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản;

c) Tập hợp và tổ chức phối hợp được với các cơ quan có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;

d) Có khả năng giao tiếp ứng xử tốt khi tiếp xúc với cá nhân và tổ chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công;

đ) Tổ chức và phối hợp giải quyết được các vi phạm pháp luật liên quan đến quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản theo đúng quy trình, thủ tục pháp luật;

e) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm lâm viên phải có thời gian giữ ngạch kiểm lâm viên trung cấp hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Trình độ

a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành lâm nghiệp hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm lâm viên;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT - BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 19. Ngạch kiểm lâm viên trung cấp (mã số: 10.228)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của ngành kiểm lâm, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm lâm ở địa phương thực hiện một số công việc thuộc lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng và quản lý lâm sản theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng rừng của chủ rừng theo dự án quy hoạch, quy trình kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện tuần tra, kiểm tra các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng trên địa bàn được giao theo dõi;

c) Tiến hành điều tra, thu thập tình hình và báo cáo kịp thời lên cấp trên trực tiếp về các hành vi hoạt động phá hoại rừng và buôn lậu lâm sản trên địa bàn được giao theo dõi;

d) Tuyên truyền và tham gia vận động quần chúng nhân dân thực hiện các quy định của pháp luật về lâm nghiệp;

đ) Ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, lập biên bản, hồ sơ ban đầu về các vụ vi phạm, bảo vệ hiện trường, tang vật, phương tiện vận chuyển lâm sản trái phép.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Độc lập thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, điều tra nắm tình hình về công tác quản lý rừng, quản lý lâm sản, phá hoại rừng, buôn lậu lâm sản;

b) Có phương pháp tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia quản lý rừng, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản;

c) Thành thạo nghiệp vụ chuyên môn của hoạt động kiểm lâm và phát triển rừng.

4. Tiêu chuẩn về trình độ dào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành lâm nghiệp hoặc chuyên ngành đào tạo khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm lâm viên trung cấp;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT - BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT - BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương VI
TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC KIỂM NGƯ

Điều 20. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

1. Bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách, luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

2. Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.

3. Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.

4. Chấp hành nội quy của cơ quan, chấp hành sự phân công của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật, gương mẫu, đi đầu trong công tác; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

7. Trung thực, khách quan, công tâm, công bằng, dân chủ, tôn trọng nhân dân.

Điều 21. Ngạch kiểm ngư viên chính (mã số: 25.309)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan kiểm ngư, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm ngư tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản trên các vùng biển Việt Nam thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì tổ chức triển khai và thực hiện một số lĩnh vực trong công tác chuyên môn về kiểm ngư và thanh tra chuyên ngành thủy sản;

b) Tham gia xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác được giao;

c) Chủ trì và tổ chức thực hiện việc tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và xử lý theo quy định của pháp luật đối với những vụ việc có quy mô lớn và có tính chất phức tạp;

d) Chủ trì tổ chức và hướng dẫn kiểm tra nghiệp vụ về kiểm ngư; đề xuất các biện pháp tổ chức, chỉ đạo nâng cao hiệu quả quản lý và công tác của lực lượng kiểm ngư;

đ) Phối hợp với các cơ quan có liên quan khi triển khai thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản;

e) Tham gia hoặc chủ trì tổ chức nghiên cứu, áp dụng, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ được giao;

g) Tham gia hoặc chủ trì biên soạn tài liệu giảng dạy và tài liệu hướng dẫn, đồng thời tổ chức bồi dưỡng, phổ biến kinh nghiệm cho kiểm ngư viên và thuyền viên tàu kiểm ngư.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm vững phương hướng phát triển của ngành về lĩnh vực quản lý và các nghiệp vụ liên quan;

b) Chủ trì và triển khai có hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản;

c) Tổ chức phối hợp hiệu quả với các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

d) Thực hiện được việc hướng dẫn và kiểm tra công tác nghiệp vụ kiểm ngư cho các thành viên khác trong lực lượng kiểm ngư;

đ) Nắm chắc kiến thức về an ninh, quốc phòng trên biển liên quan đến hoạt động của tàu và thuyền viên;

e) Có năng lực tổng hợp, khái quát các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm ngư;

g) Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học phục vụ công tác kiểm ngư và thanh tra chuyên ngành thủy sản;

đ) Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án liên quan đến lĩnh vực kiểm ngư được áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn;

e) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ về kiểm ngư hoặc trong hoạt động lãnh đạo quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm ngư viên chính phải có thời gian giữ ngạch kiểm ngư viên hoặc tương đương tối thiểu là 5 năm (60 tháng), trong đó có thời gian giữ ngạch kiểm ngư viên tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và nghiệp vụ ngạch kiểm ngư viên chính;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 22. Ngạch kiểm ngư viên (mã số: 25.310)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan kiểm ngư, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm ngư thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản theo lĩnh vực nghiệp vụ được phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng phương án, kế hoạch tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và thanh tra chuyên ngành thủy sản trên các vùng biển Việt Nam;

b) Tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về chuyên môn thuộc lĩnh vực công tác được giao;

c) Thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản theo nhiệm vụ được phân công;

d) Tham gia thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế về thủy sản, hướng dẫn ngư dân và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên các vùng biển thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thủy sản;

đ) Phối hợp với các cơ quan có liên quan khi triển khai thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản;

e) Tham gia nghiên cứu, áp dụng, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm được phương hướng phát triển của ngành về lĩnh vực quản lý và các nghiệp vụ liên quan;

b) Nắm được quy trình các bước thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản;

c) Triển khai phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

d) Nắm vững kiến thức về an ninh, quốc phòng trên biển liên quan đến hoạt động của tàu và thuyền viên;

đ) Có khả năng giao tiếp, ứng xử khi tiếp xúc với cá nhân và tổ chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công;

e) Tổ chức và phối hợp để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản theo đúng quy trình, thủ tục pháp luật;

đ) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm ngư viên phải có thời gian giữ ngạch kiểm ngư viên trung cấp tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và nghiệp vụ ngạch kiểm ngư viên;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 23. Ngạch kiểm ngư viên trung cấp (mã số: 25.311)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn trong cơ quan kiểm ngư, tham gia thực hiện một số công việc thuộc lĩnh vực nghiệp vụ kiểm ngư.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia góp ý xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác được giao;

b) Tham gia thực hiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên vùng biển được phân công theo quy định của pháp luật;

c) Thu thập tình hình và báo cáo kịp thời về các hành vi vi phạm pháp luật thủy sản của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động thủy sản trên vùng biển được phân công;

d) Tham gia tuyên truyền, vận động ngư dân tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động thủy sản;

đ) Tham gia phối hợp với các lực lượng tuần tra, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của các Bộ, ngành và địa phương trong việc phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển Việt Nam.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm được phương hướng phát triển của ngành về lĩnh vực quản lý và các nghiệp vụ liên quan;

b) Nắm được quy trình thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản;

c) Có khả năng tham gia phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản theo đúng quy trình, thủ tục của pháp luật;

d) Nắm được kiến thức về an ninh, quốc phòng trên biển liên quan đến hoạt động của tàu và thuyền viên.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và nghiệp vụ ngạch kiểm ngư viên trung cấp;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT - BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương VII
TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC THUYỀN VIÊN KIỂM NGƯ

Điều 24. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

1. Bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách, luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

2. Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.

3. Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.

4. Chấp hành nội quy của cơ quan, chấp hành sự phân công của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật, gương mẫu, đi đầu trong công tác; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

7. Trung thực, khách quan, công tâm, công bằng, dân chủ, tôn trọng nhân dân.

Điều 25. Ngạch thuyền viên kiểm ngư chính (mã số: 25.312)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan kiểm ngư, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm ngư thực hiện kế hoạch tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển Việt Nam và thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng tàu kiểm ngư đảm bảo an toàn, hiệu quả.

2. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động của tàu, kế hoạch sửa chữa tàu; đề xuất các biện pháp sử dụng tàu và quản lý thuyền viên an toàn, hiệu quả;

b) Thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển Việt Nam;

c) Điều hành tàu kiểm ngư đảm bảo an toàn và hiệu quả; quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị cho tàu;

d) Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào công tác vận hành tàu;

đ) Tham gia công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn;

e) Biên soạn hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ liên quan về tàu kiểm ngư, tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho thuyền viên tàu kiểm ngư.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm vững phương hướng phát triển của ngành về lĩnh vực quản lý và các nghiệp vụ liên quan;

b) Nắm vững nghiệp vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn ngừa và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản;

c) Nắm vững kiến thức về an ninh, quốc phòng trên biển liên quan đến hoạt động của tàu và thuyền viên;

d) Nắm vững hoạt động của tàu thuyền, nghề nghiệp trên vùng biển làm nhiệm vụ kiểm tra;

đ) Nắm vững toàn bộ các đặc tính hoạt động của tàu kiểm ngư và sử dụng hiệu quả các trang thiết bị hiện đại được trang bị cho tàu;

e) Có kinh nghiệm đi biển; biết phân tích, đánh giá tình hình thời tiết và khí tượng thủy văn phục vụ công tác chuyên môn;

đ) Chủ trì hoặc tham gia công trình, sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc đề tài, đề án liên quan đến lĩnh vực kiểm ngư được áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn;

e) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ về tàu thuyền kiểm ngư hoặc trong hoạt động lãnh đạo quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch thuyền viên kiểm ngư chính phải có thời gian giữ ngạch thuyền viên kiểm ngư hoặc tương đương tối thiểu là 5 năm (60 tháng), trong đó có thời gian giữ ngạch thuyền viên kiểm ngư tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Đã qua lớp đào tạo nghiệp vụ thuyền viên kiểm ngư chính;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT - BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 26. Ngạch thuyền viên kiểm ngư (mã số: 25.313)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan kiểm ngư, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm ngư thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện nhiệm vụ sử dụng tàu kiểm ngư đảm bảo an toàn, hiệu quả.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tàu, kế hoạch sửa chữa tàu; đề xuất các biện pháp sử dụng tàu và quản lý thuyền viên an toàn, hiệu quả;

b) Tham gia thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển Việt Nam;

c) Điều hành tàu kiểm ngư đảm bảo an toàn và hiệu quả; quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị cho tàu;

d) Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào công tác vận hành tàu;

đ) Tham gia công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm vững phương hướng phát triển của ngành về lĩnh vực quản lý và các nghiệp vụ liên quan;

b) Nắm được nghiệp vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn ngừa và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản;

c) Nắm được kiến thức về an ninh, quốc phòng trên biển liên quan đến hoạt động của tàu và thuyền viên của cấp có thẩm quyền;

d) Nắm vững hoạt động của tàu thuyền, nghề nghiệp trên vùng biển làm nhiệm vụ kiểm tra;

đ) Nắm vững toàn bộ các đặc tính hoạt động của tàu kiểm ngư;

e) Có kinh nghiệm đi biển; biết phân tích, đánh giá tình hình thời tiết và khí tượng thủy văn phục vụ công tác chuyên môn;

g) Công chức dự thi nâng ngạch thuyền viên kiểm ngư phải có thời gian giữ ngạch thuyền viên kiểm ngư trung cấp tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Đã qua lớp đào tạo nghiệp vụ thuyền viên kiểm ngư;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT - BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 27. Ngạch thuyền viên kiểm ngư trung cấp (mã số: 25.314)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan kiểm ngư, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm ngư thực hiện một số nghiệp vụ trong quá trình vận hành tàu kiểm ngư tham gia tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển Việt Nam.

2. Nhiệm vụ

a) Thi hành mệnh lệnh của lãnh đạo trực tiếp;

b) Tham gia thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra chuyên ngành về bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

c) Tham gia công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn;

d) Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào công tác vận hành tàu;

đ) Sử dụng, bảo dưỡng đúng quy trình kỹ thuật đối với các trang thiết bị trên tàu;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm được phương hướng phát triển của ngành về lĩnh vực quản lý và các nghiệp vụ liên quan;

b) Nắm được quy trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và thanh tra chuyên ngành thủy sản;

c) Có kiến thức về an ninh, quốc phòng trên biển liên quan đến hoạt động của tàu và thuyền viên;

d) Nắm vững các đặc tính hoạt động của tàu kiểm ngư;

đ) Có khả năng đi biển.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Đã qua lớp đào tạo nghiệp vụ thuyền viên kiểm ngư trung cấp;

c) Đã có thời gian làm việc trên tàu từ 06 tháng trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT - BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP VÀ THI HÀNH

Điều 28. Quy định chuyển tiếp đối với các ngạch công chức chuyên ngành kiểm dịch viên động - thực vật

Công chức chuyên ngành kiểm dịch viên động vật - thực vật hiện đang giữ các ngạch: kiểm dịch viên chính động - thực vật (mã số 09.067), kiểm dịch viên động - thực vật (mã số 09.068), kỹ thuật viên động - thực vật (mã số 09.069) trước đây được chuyển xếp sang các ngạch mới như sau:

- Ngạch kiểm dịch viên chính động - thực vật (mã số 09.067) được chuyển xếp sang ngạch kiểm dịch viên chính động vật (mã số 09.315) hoặc kiểm dịch viên chính thực vật (mã số 09.318);

- Ngạch kiểm dịch viên động - thực vật (mã số 09.068) được chuyển xếp sang ngạch kiểm dịch viên động (mã số 09.316) hoặc kiểm dịch viên thực vật (mã số 09.319);

- Ngạch kỹ thuật viên động - thực vật (mã số 09.069) được chuyển xếp sang ngạch kỹ thuật viên động vật (mã số 09.317) hoặc kỹ thuật viên thực vật (mã số 09.320).

Điều 29. Quy định chuyển tiếp đối với các ngạch công chức chuyên ngành kiểm lâm

1. Công chức chuyên ngành kiểm lâm hiện đang giữ ngạch kiểm lâm viên cao đẳng (mã số 10.227) trước đây được chuyển xếp vào ngạch kiểm lâm viên trung cấp (mã số 10.228).

2. Công chức chuyên ngành kiểm lâm hiện đang giữ ngạch kiểm lâm viên sơ cấp (mã số 10.229) trước đây được thực hiện việc chuyển xếp vào ngạch mới như sau:

a) Công chức có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên, đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch kiểm lâm viên trung cấp thì được bổ nhiệm vào ngạch kiểm lâm viên trung cấp (mã số 10.228). Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch kiểm lâm viên, khi dự thi nâng lên ngạch kiểm lâm viên được miễn điều kiện về thời gian giữ ngạch quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều 18 Thông tư này.

b) Công chức hiện đang giữ ngạch kiểm lâm viên sơ cấp (mã số 10.229), chưa có bằng chuyên môn, nghiệp vụ thì được bảo lưu các chế độ chính sách như hiện nay trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Thông tư có hiệu lực. Trong thời

hạn 05 năm kể từ ngày Thông tư có hiệu lực, cơ quan sử dụng công chức có trách nhiệm bố trí công chức đi đào tạo để đáp ứng tiêu chuẩn của các ngạch công chức chuyên ngành kiểm lâm theo quy định tại Thông tư này, cụ thể như sau:

- Đối với trường hợp công chức có tuổi đời dưới 55 tuổi đối với nam và dưới 50 tuổi đối với nữ, cơ quan sử dụng công chức phải bố trí cho công chức đi đào tạo để đáp ứng tiêu chuẩn của ngạch công chức kiểm lâm trung cấp trở lên. Trường hợp công chức được cử đi học mà không tham gia học tập hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức thực hiện tinh giản biên chế. Trường hợp công chức được cử đi đào tạo, sau khi tốt nghiệp từ trung cấp trở lên thì thực hiện việc bổ nhiệm vào ngạch mới theo quy định tại Điểm b Khoản này.

- Đối với trường hợp công chức có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ khi không có nhu cầu hoặc không được cử đi đào tạo được bảo lưu chế độ, chính sách của ngạch kiểm lâm viên sơ cấp cho đến tuổi nghỉ hưu.

3. Các cơ quan quản lý, sử dụng công chức không thực hiện việc tuyển dụng công chức ngạch kiểm lâm viên sơ cấp kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.

Điều 30. Cách xếp lương

1. Các ngạch công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, bao gồm: kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, kiểm soát viên đê điều, kiểm lâm, kiểm ngư, thuyền viên tàu kiểm ngư quy định tại Thông tư này được áp dụng Bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước (Bảng 2) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và được sửa đổi tại Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ như sau:

a) Ngạch kiểm lâm viên chính, kiểm ngư viên chính, thuyền viên kiểm ngư chính được áp dụng hệ số lương công chức loại A2, nhóm A2.1, từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

b) Ngạch kiểm dịch viên chính động vật, kiểm dịch viên chính thực vật, kiểm soát viên chính đê điều được áp dụng hệ số lương công chức loại A2, nhóm A2.2, từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38;

c) Ngạch kiểm dịch viên động vật, kiểm dịch viên thực vật, kiểm soát viên đê điều, kiểm lâm viên, kiểm ngư viên, thuyền viên kiểm ngư được áp dụng hệ số lương công chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

d) Ngạch kỹ thuật viên kiểm dịch động vật, kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật, kiểm soát viên trung cấp đê điều, kiểm lâm viên trung cấp, kiểm ngư viên trung cấp, thuyền viên kiểm ngư trung cấp được áp dụng hệ số lương công chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06;

2. Xếp lương khi hết tập sự và được bổ nhiệm vào ngạch công chức

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định được cấp có thẩm quyền quản lý công chức quyết định bổ nhiệm ngạch công chức thì thực hiện xếp bậc lương được bổ nhiệm như sau:

a) Trường hợp có trình độ đào tạo tiến sỹ chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 3, hệ số 3,00 của các ngạch công chức quy định tại Điểm C Khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp có trình độ đào tạo thạc sỹ chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 2, hệ số 2,67 của các ngạch công chức quy định tại Điểm C Khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp có trình độ đào tạo cao đẳng chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 2, hệ số 2,06 của các ngạch công chức quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này;

3. Việc xếp lương đối với công chức chuyên ngành nông nghiệp, bao gồm: kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, kiểm soát viên đê điều, kiểm lâm, kiểm ngư, thuyền viên tàu kiểm ngư đã được xếp lương vào các ngạch công chức quy định tại Quyết định số 413/TCCP-VC ngày 29 tháng 5 năm 1993 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành Thủy lợi; Quyết định số 417/TCCP-VC ngày 29 tháng 5 năm 1993 của Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành Nông nghiệp - Công nghiệp thực phẩm; Quyết định số 09/2006/QĐ-BNV ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Bộ Nội vụ về chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành kiểm lâm; Thông tư số 02/2014/TT-BNV ngày 01 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn các ngạch công chức kiểm ngư viên, thuyền viên tàu kiểm ngư và Nghị định số 204/2004/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Trường hợp đủ điều kiện bổ nhiệm vào ngạch công chức có hệ số bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) vào ngạch công chức mới được bổ nhiệm.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A đã xếp ngạch kiểm lâm viên (mã ngạch 10.226), bậc 5, hệ số lương 3,66 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Nay đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào ngạch kiểm lâm viên (mã ngạch 10.226) thì xếp bậc 5, hệ số lương 3,66 của ngạch kiểm lâm viên (mã ngạch 10.226) kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

b) Trường hợp công chức có trình độ cao đẳng chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm khi tuyển dụng đã được xếp lương ở ngạch công chức A0 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, nay được bổ nhiệm vào ngạch công chức loại B thì việc xếp bậc lương đối với các ngạch công chức này được căn cứ vào thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định (trừ thời gian tập sự) như sau:

Tính từ bậc 2 của ngạch công chức loại B, cứ sau thời gian 2 năm (đủ 24 tháng) được xếp lên 01 bậc lương (nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn). Trường hợp trong thời gian công tác có năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật thì bị kéo dài thêm theo chế độ nâng bậc lương thường xuyên.

Sau khi chuyển xếp lương vào ngạch công chức chuyên ngành nông nghiệp nêu trên, nếu hệ số lương được xếp ở các ngạch này cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thấp hơn so với hệ số lương đã hưởng ở ngạch cũ thì được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ. Hệ số chênh lệch bảo lưu này được hưởng trong suốt thời gian công chức xếp lương ở ngạch được bổ nhiệm. Sau đó, nếu công chức được nâng ngạch thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào ngạch được bổ nhiệm khi nâng ngạch và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở ngạch mới.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn B, có trình độ cao đẳng lâm nghiệp đã được tuyển dụng vào làm công chức, đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ ngày

01 tháng 01 năm 2008 và đã xếp bậc 3, hệ số lương 2,72 của công chức A0 kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014, trong thời gian công tác luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật. Nay được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào ngạch kiểm lâm viên trung cấp thì việc xếp bậc lương ở ngạch kiểm lâm viên trung cấp như sau:

Thời gian công tác của ông Nguyễn Văn B từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, trừ thời gian tập sự 06 tháng, tính từ bậc 2 của ngạch kiểm lâm viên trung cấp và cứ 2 năm xếp lên 1 bậc thì đến ngày 01 tháng 7 năm 2014 được xếp vào bậc 5, hệ số lương 2,66 của ngạch kiểm lâm viên trung cấp (mã số 10.228); thời gian hưởng bậc lương mới ở ngạch kiểm lâm viên trung cấp (mã số 10.228) kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014; đồng thời hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,06 (2,72 - 2,66).

Đến ngày 01/7/2016 (đủ 02 năm), ông Nguyễn Văn B đủ điều kiện nâng bậc lương thường xuyên lên bậc 6, hệ số lương 2,86 của ngạch kiểm lâm viên trung cấp (mã số 10.228) và tiếp tục được hưởng hệ số lương chênh lệch bảo lưu 0,06 (tổng hệ số lương được hưởng là 2,92).

4. Việc nâng ngạch đối với công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nêu trên được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào ngạch công chức theo quy định tại Thông tư này và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ các quy định tại Thông tư này để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2016.

2. Bãi bỏ các văn bản sau đây: Quyết định số 413/TCCP-VC ngày 29/5/1993 của Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành Thủy lợi; Quyết định số

417/TCCP - VC ngày 29 tháng 5 năm 1993 của Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành Nông nghiệp-công nghiệp thực phẩm; Quyết định số 09/2006/QĐ-BNV ngày 05/10/2006 của Bộ Nội vụ về chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành kiểm lâm; Thông tư số 02/2014/TT-BNV ngày 01/4/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn các ngạch công chức kiểm ngư viên, thuyền viên tàu kiểm ngư.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Anh Tuấn